

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76a/2022/DS-PT

Ngày: 10/02/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 Tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 398/2022/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2022/QĐ-PT, ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐ-PT ngày 12/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Th, sinh năm: 1999; địa chỉ: Số 40 đường LĐH, tổ dân phố 8, thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1989, địa chỉ: 28/12 đường PBC, thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Mai Tr, sinh năm: 1999; địa chỉ: Số 28 đường NAN, tổ dân phố 18, thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Th trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Mai Tr là bạn bè chơi từ cấp 1 lên đại học, nên khi bà Tr cần tiền thì tôi đã nhiều lần cho bà Tr vay với mục đích để bà Tr chi tiêu cá nhân, từ ngày 30/09/2019 đến ngày 06/5/2021 tổng số tiền giao dịch giữa tôi với bị đơn Nguyễn Mai

Tr là 450.450.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Khi vay vì tin tưởng nên tôi không có làm giấy ghi nợ với bà Tr, hai bên thỏa thuận lãi suất, thời gian trả nợ khi nào tôi cần tiền bà Tr sẽ trả cho tôi trong vòng 3 tháng. Tất cả thỏa thuận thể hiện qua tin nhắn điện tử (facebook messenger) và tôi chuyển số tiền từ các tài khoản của tôi tại các Ngân hàng A có số tài khoản: ...7767; Ngân hàng B có số tài khoản: ...9939; Ngân hàng C có số tài khoản: ...8688; Ngoài ra, tôi còn dùng tài khoản qua ví điện tử Momo số điện thoại ...0399 và tài khoản ví điện tử Airpay (hiện tại mới đổi là ShopeePay) số điện thoại ...0399 để giao dịch gửi tiền và nhận tiền với bà Nguyễn Mai Tr vay qua tài khoản của bà Tr, tại các Ngân hàng D có số tài khoản: ...1722, Ngân hàng E có số tài khoản: ...2301 và ...2202, Ngân hàng C có số tài khoản: ...6686; Ví điện tử Momo SĐT: ...2102 và ví điện tử Airpay SĐT: ...2102).

Tổng số tiền giao dịch giữa tôi với Nguyễn Mai Tr 450.450.000 Đồng (Bốn trăm năm mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, có 235.000.000đ có thỏa thuận lãi suất còn lại số tiền 215.450.000 đồng không có thỏa thuận lãi suất. Từ lúc vay đến ngày tôi làm đơn khởi kiện thì Nguyễn Mai Tr đã trả được cho tôi số tiền là 215.450.000 đồng. Tính đến ngày 06/5/2021, bà Tr còn nợ 235.000.000đ. Đến nay sau nhiều lần nhắn tin không trả lời, gọi điện thoại không bắt máy và khi đến nhà bà Tr, bà Tr phủ nhận khoản vay và chối rằng không có vay tiền của tôi.

Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Mai Tr phải trả cho tôi số tiền 235.000.000 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) tính từ 01/6/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Mai Tr trình bày:

Tôi với bà Dương Thị Th là bạn bè quen biết với nhau từ nhỏ. Trong quá trình chơi với nhau thì tôi có vay tiền của Th nhiều lần, khi vay thì hai bên không thỏa thuận lãi suất và cũng không hẹn ngày trả. Khi nào tôi có thì tôi chuyển khoản qua ngân hàng và các loại ví điện tử (như Momo, Airpay...). Khi vay và trả tiền thì tôi không ký hay ghi giấy tờ gì cả mà chuyển tiền qua các tài khoản ngân hàng và các loại ví điện tử.

Khi Th cho tôi vay tiền thì cũng thực hiện qua chuyển khoản ngân hàng cụ thể là qua các tài khoản của tôi tại 03 ngân hàng gồm Ngân hàng A, Ngân hàng C, Ngân hàng D và các loại ví điện tử (như Momo, Airpay...), cụ thể: Ngân hàng D có số tài khoản: ...1722, Ngân hàng E có số tài khoản: ...2301 và ...2202, Ngân hàng C có số tài khoản: ...6686; Ví điện tử Momo SĐT: ...2102 và ví điện tử Airpay SĐT: ...2102). Tôi cũng đã trả tiền nhiều lần cho Th và tổng số tiền tôi đã trả cho Dương Thị Th là 209.700.000đ (Hai trăm lẻ chín triệu bảy trăm nghìn đồng). Đối với các chứng cứ mà nguyên đơn bà Dương Thị Th cung cấp là các bản sao kê tài khoản của các ngân hàng và các hình ảnh chi tiết các giao dịch qua ứng dụng ví điện tử (Momo, Airpay) thể hiện việc có giao dịch với tôi. Tuy nhiên, tôi không đồng ý với các tài liệu, chứng cứ của bà Th đã đưa ra và tôi cũng đã cung cấp các chứng cứ là các bản sao kê các giao dịch của các ngân hàng cũng như hình ảnh các giao dịch qua ví điện tử giữa tôi với bà Th. Tôi chỉ chấp nhận số tiền theo các bản sao kê tài khoản của các ngân hàng và phải được ngân hàng

đóng dấu xác nhận vào các sao kê này, còn đối với các tài liệu chứng cứ là các bản chụp giao dịch qua các loại ví điện tử mà các bên cung cấp thì tôi chỉ đồng ý với các tài liệu chứng cứ do các tổ chức hoặc công ty đang quản lý các ví điện tử cung cấp có đóng dấu và ký xác nhận.

Đối với yêu cầu của bà Th buộc tôi trả số tiền 235.000.000đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) và lãi suất 20%/năm thì tôi không đồng ý. Lý do vì tôi đã trả được rất nhiều lần rồi chứ không phải là tôi chưa trả được cho Th lần nào cả. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị Th trình bày tổng số tiền giao dịch qua ví điện tử Momo giữa bà với bà Tr là: 68.450.000 đồng (sáu mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) chứ không phải là số tiền là 20.512.000đồng (hai mươi triệu năm trăm mười hai nghìn đồng). Nên theo lịch sử giao dịch từ ngày 30/09/2019 đến ngày 01/11/2021 mà Công ty cổ phần dịch vụ di động trực tuyến (đơn vị quản lý ví Momo) cung cấp cho Tòa án theo yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa là còn chưa đủ và thiếu so với tổng số tiền mà tôi và bà Tr đã giao dịch qua ví điện tử Momo nên bà đề nghị Tòa án chấp nhận thêm số tiền này. Nay bà xác định tổng số tiền giao dịch giữa bà với bà Tr là 439.204.235 đồng (Bốn trăm ba mươi chín triệu hai trăm lẻ bốn nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng). Nay bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Mai Tr phải trả cho bà tổng số tiền là 293.755.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó: số tiền vay gốc là 235.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) tính từ 01/6/2021 cho đến ngày xét xử hôm nay (29/9/2022) là 58.755.000 đồng.

Tại Bản án số 398/2022/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 5; Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Th.

1.1. Buộc bà Nguyễn Mai Tr có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Th số tiền 129.501.327 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, năm trăm lẻ một nghìn, ba trăm hai

mười bảy đồng), trong đó: tiền nợ gốc: 119.173.000 đồng; Lãi suất từ ngày 22/11/2021 đến ngày xét xử (29/9/2022) là 10.328.327 đồng.

1.2. Không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Th đối với bà Nguyễn Mai Tr phải trả số tiền 164.253.673 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 17/10/2022, bà Dương Thị Th có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả thêm cho nguyên đơn số tiền 164.253.673 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo: đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sơ thẩm theo hướng từ yêu cầu bà Tr trả số tiền 164.253.673đ, xuống còn 116.000.000đ.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án số 398/2022/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Dương Thị Th trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí, nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX thấy: Từ năm 2019 đến 2021, giữa bà Dương Thị Th với bà Nguyễn Mai Tr có giao dịch vay tiền nhiều lần, hình thức vay bà Th chuyển tiền bà cho Tr qua tài khoản các Ngân hàng, qua các loại ví điện tử. Bà Th cho rằng tổng số tiền cho bà Tr vay là 450.450.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, số tiền chuyển khoản từ các tài khoản Ngân hàng là 318.000.000đ; chuyển từ giao dịch điện tử ví Momo là 68.450.000đ, chuyển từ giao dịch điện tử ví Airpay là 64.000.000. Bà Th xác nhận bà Tr đã trả 215.450.000đ, còn nợ lại 235.000.000đ nên yêu cầu bà Tr phải trả 235.000.000đ. Xét tài liệu, chứng cứ là các bản sao kê lịch sử giao dịch chuyển khoản từ các số tài khoản của bà Th đến số tài khoản của bà Tr do các Ngân hàng B, Ngân hàng A, Ngân hàng C cung cấp cho Tòa án thì tổng số tiền bà Th đã chuyển khoản cho bà Tr là **256.030.000đ**; lịch sử giao dịch từ ví Momo của bà Th đến ví Momo của bà Tr từ ngày 30/9/2019 đến 01/11/2021 do Công ty CPDV di động trực tuyến (M-Service)

cung cấp thì bà Th chuyển cho bà Tr số tiền **20.512.000đ**; lịch sử giao dịch từ ví Airpay(ShopeePay) của bà Th đến ví Airpay(ShopeePay) của bà Tr từ ngày 30/9/2019 đến 01/11/2021 do Công ty CP Airpay cung cấp thì bà Th chuyển cho bà Tr **52.964.000đ**. Như vậy, tổng số tiền bà Th chuyển cho bà Tr vay là **329.506.000đ**.

Xét tài liệu, chứng cứ bà Tr chuyển tiền trả cho bà Th qua các Ngân hàng, ví điện tử, cụ thể: Ngân hàng A 39.300.000đ, Ngân hàng C 31.000.000đ, Ngân hàng D 20.800.000đ; Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam 80.000.000đ; lịch sử giao dịch từ ví Momo của bà Tr đến ví Momo của bà Th từ ngày 30/9/2019 đến 01/11/2021 do Công ty CPDV di động trực tuyến (M-Service) cung cấp thì bà Tr chuyển cho bà Th số tiền 2.200.000đ; lịch sử giao dịch từ ví Airpay(ShopeePay) của bà Tr đến ví Airpay(ShopeePay) của bà Th từ ngày 30/9/2019 đến 01/11/2021 do Công ty CP Airpay cung cấp thì bà Tr chuyển cho bà Th số tiền 37.033.000đ. Như vậy, tổng số tiền bà Tr đã chuyển trả cho bà Th là **210.333.000đ**.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/6/2021 cho đến khi trả nợ xong. Bà Th cho rằng khi vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất và thời hạn khi nào cần thì trả trong vòng 3 tháng, việc thỏa thuận lãi suất được các bên thể hiện quan tin nhắn Facebook, messenger. HĐXX thấy, lời khai của bà Th không được bà Tr thừa nhận đồng thời các tài liệu chứng cứ về nội dung tin nhắn do bà Th cung cấp chưa được cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác nhận. Do đó, cần xác định đây là hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất, không thời hạn được quy định tại Điều 469 của BLDS nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải tiền lãi 10.328.327đ (Tính từ ngày 22/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022) là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; 469; điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Tr phải trả cho bà Th số tiền **129.501327đ**; trong đó, gốc 119.173.000đ, lãi 10.328.327đ và bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 164.253.673đ là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, HĐXX thấy: Nguyên đơn yêu cầu cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ là lịch sử giao dịch từ ví điện tử Momo của bà Th sang ví Momo của bà Tr. Tuy nhiên, Công ty cổ phần dịch vụ di động trực tuyến (viết tắt M Service) cung cấp thiếu thời gian giao dịch nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu bổ sung đây là vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích của nguyên đơn. Tại cấp phúc thẩm đã bổ sung. Cụ thể. Ngày 14/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu thập tài liệu chứng cứ số 04/2022/QĐ-CCTLCC, theo đó yêu cầu Công ty cổ phần dịch vụ di động trực tuyến (viết tắt M Service) cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm:

- Toàn bộ chi tiết lịch sử giao dịch từ ngày 30/09/2019 đến ngày 24/02/2021 đối với tài khoản của nguyên đơn bà Dương Thị Th (thông qua số điện thoại ...0399 của bà Th dùng đăng ký để giao dịch bằng ứng dụng Momo).

- Toàn bộ chi tiết lịch sử giao dịch từ ngày 30/09/2019 đến ngày 24/02/2021 đối với tài khoản của bị đơn bà Nguyễn Mai Tr (thông qua số điện thoại ...2102 của Tr dùng đăng ký để giao dịch để giao dịch bằng ứng dụng Momo).

Đến ngày 13.01.2023, Công ty cổ phần dịch vụ di động trực tuyến ban hành công văn số 03/2023/PC-VB trả lời Quyết định thu thập tài liệu chứng cứ số 04/2022/QĐ-CCTLCC, ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Xét hành văn bản số 03/2023/PC-VB, ngày 13/01/2023 của Công ty cổ phần dịch vụ di động trực tuyến, HĐXX phúc thẩm xét thấy:

Đối với lịch sử giao dịch ví Momo từ tài khoản ...0399 của bà Th chuyển vào ví momo tài khoản ...2102 của bà Tr ngày 17/10/2019 và từ ngày 08/12/2020 đến 04/02/2021 với tổng số tiền 53.015.000đ, Ngoài ra, Công ty không còn lưu trữ lịch sử giao dịch ngoài các thời gian trên. Như vậy, có căn cứ xác định bà Th đã chuyển cho bà Tr vay tổng số tiền 382.521.000 đồng, bà Tr đã trả 210.333.000đ, còn nợ lại 172.188.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Tr phải trả cho bà Th số tiền **129.501327đ**. trong đó, gốc 119.173.000đ, lãi 10.328.327đ là không khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi ích chính đáng của nguyên đơn. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, cần sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng 187.110.960đ. Trong đó, nợ gốc là 172.188.000đ, nợ lãi 14.922.960đ (Tính từ ngày 22/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022). Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền **62.812.000đ**.

Từ những phân tích, trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn, cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 398/2022/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk như đã phân tích trên.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí DSST. Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ nên cần tính lại án phí. Cụ thể:

Nguyên đơn không được chấp nhận đối với số tiền 62.812.000đ nên phải chịu 3.140.600đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 5.875.000đ, còn nhận lại 2.734.400đ.

Cần buộc bị đơn phải chịu 9.356.000đ án phí DSST.

[3.2] Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSPT.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Dương Thị Th.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 398/2022/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463; 465; 466; 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[2.1] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Th.

Buộc bà Nguyễn Mai Tr có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Th số tiền 187.110.960đ (Một trăm tám mươi bảy triệu một trăm mười ngàn chín trăm sáu mươi đồng). Trong đó, nợ gốc 172.188.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng), nợ lãi 14.922.960đ (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi đồng) (Tính từ ngày 22/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Mai Tr đối với số tiền 62.812.000đ (Sáu mươi hai triệu tám trăm mười hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm

Buộc nguyên đơn bà Dương Thị Th phải chịu 3.140.600đ (Ba triệu một trăm bốn mươi ngàn sáu trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 5.875.000đ (Năm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 60AA/2021/0006632 ngày 16/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, bà Th còn nhận lại 2.734.400đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

Buộc bị đơn bà Nguyễn Mai Tr phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.356.000đ (Chín triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng) án phí DSST.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị Th không phải chịu án phí DSPT, hoàn trả cho bà Th số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0016550 ngày 24/10/2022 mà bà Dương Thị

Th (Nguyễn Thị Kim T nộp thay) đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Kr.Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền